

CÔNG TY TNHH TMDV ĐIỀU THU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV ĐIỀU THU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIEU THU TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110914493

3. Ngày thành lập: 13/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 1, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904068640

Fax:

Email: kemdauu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây lâu năm khác	0129
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm)	0990
3.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
9.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
10.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
11.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
12.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
15.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
16.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
17.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
18.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
19.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
20.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
21.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
22.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702

23.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem, trừ hoạt động Nhà nước cấm)	1812
25.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
26.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (Không bao gồm dập khuôn tem, và các hoạt động nhà nước cấm)	2591
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
33.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
36.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

53.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
54.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
56.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
57.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
59.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4610
60.	Bán buôn thực phẩm	4632
61.	Bán buôn đồ uống	4633
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4649
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4659
67.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)	4661
68.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4669
71.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690(Chính)
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
76.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm)	4772
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí, Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
87.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5610
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
92.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5629
93.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
94.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320
95.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

96.	Cho thuê xe có động cơ	7710
97.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
98.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác (trừ loại Nhà nước cấm)	7729
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	7730
100.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành	7912
101.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
102.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
104.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
105.	Dịch vụ đóng gói Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật	8292
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299
107.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
108.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
110.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
111.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá, trừ sàn giao dịch bất động sản, trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản	6820
112.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 3.100.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÂN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 11/12/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038198000329

Ngày cấp: 16/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Mố 2, Xã Cán Khê, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Mố 2, Xã Cán Khê, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÂN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038198000329

Ngày cấp: 16/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Mố 2, Xã Cán Khê, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Mố 2, Xã Cán Khê, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội